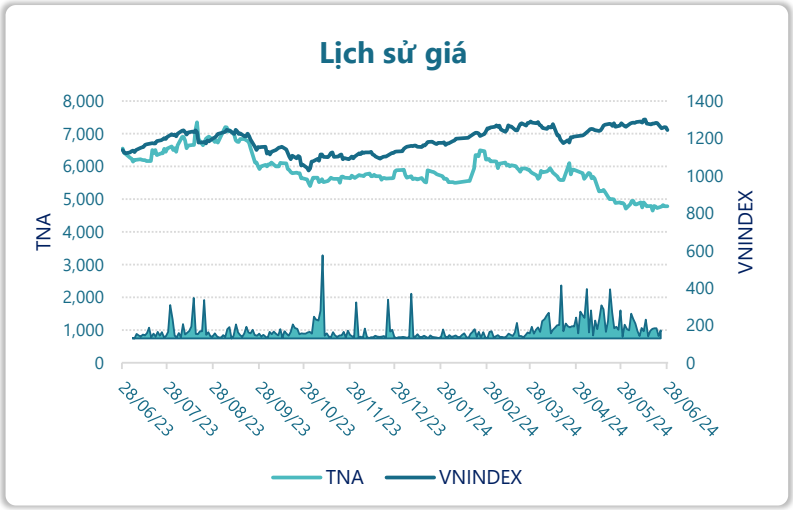
FireAnt

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam (HSX: TNA)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,780**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,650
SL cổ phiếu LH	49,231,310
KLGD BQ 20 phiên (CP)	99,205
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	-8.5
EPS	-562

DT thuần

Q2/24

546

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 420| 334%

YoY: ▼1,033| -65.4%

LN sau thuế

Q2/24

-18.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.93| -122%

YoY: ▼20.6| -841%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

-0.5%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

6T 2024

672

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,288| -77.3%

LN sau thuế

6T 2024

-26.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.2| -777%

ROE

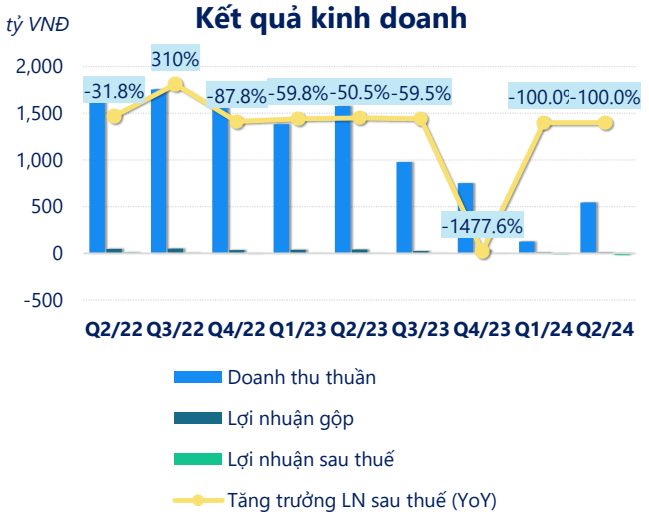
Q2/24

-4.8%

+/- YoY: ▼ 6.4%

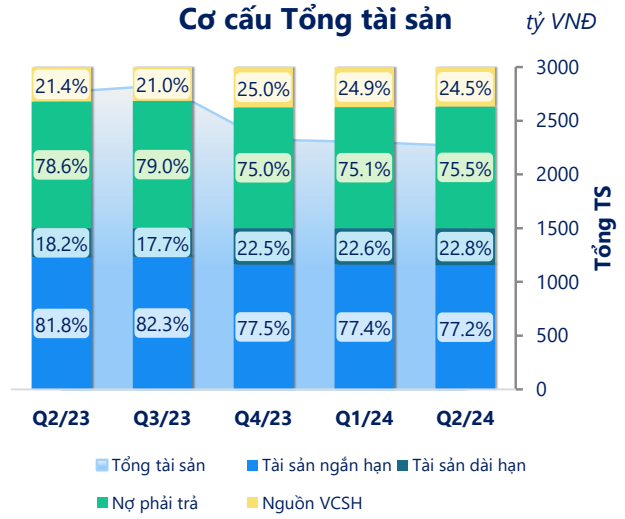
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



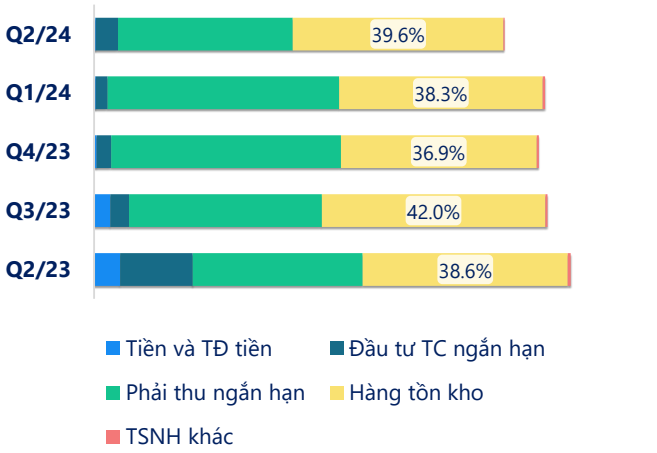
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



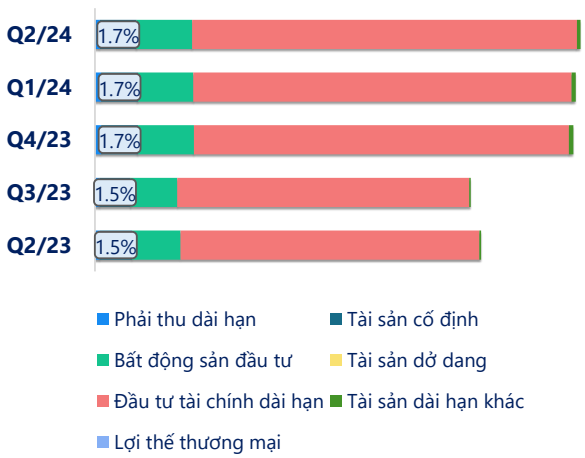
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



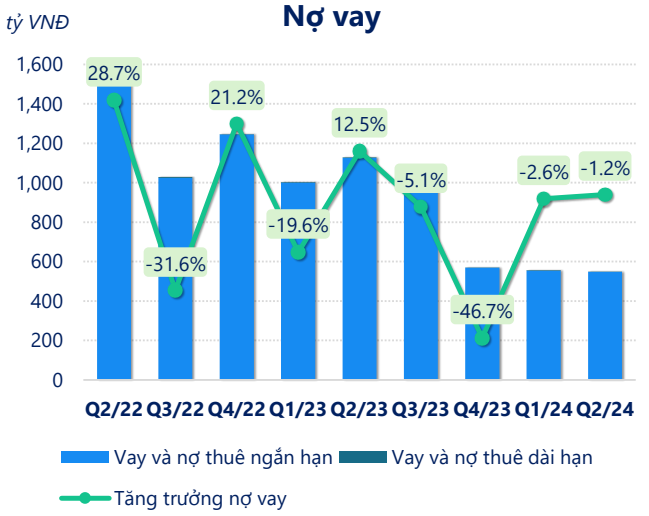
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



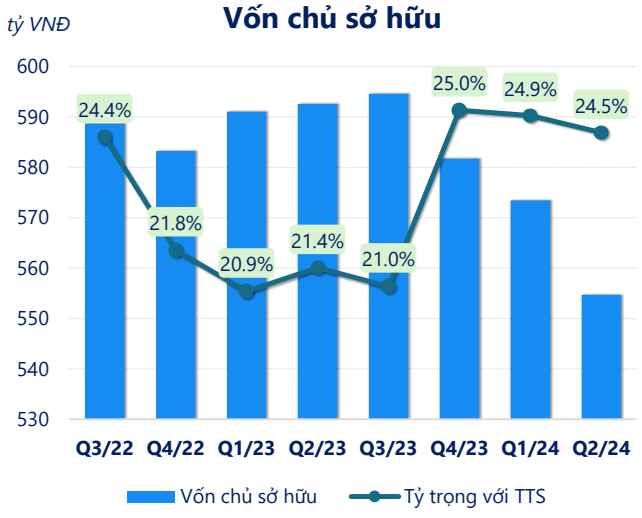
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



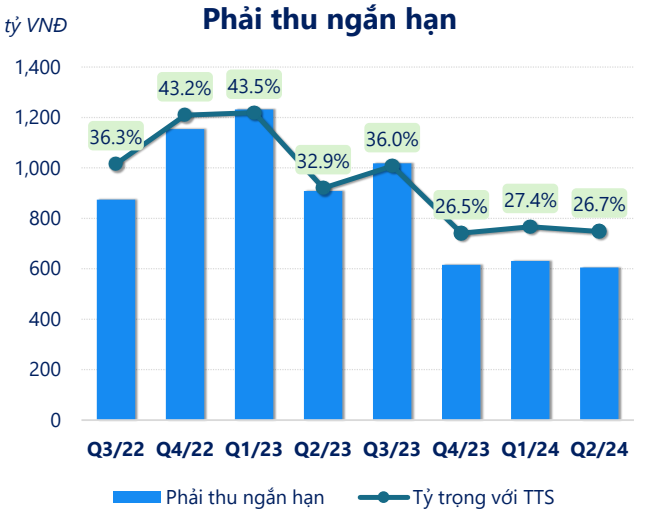
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



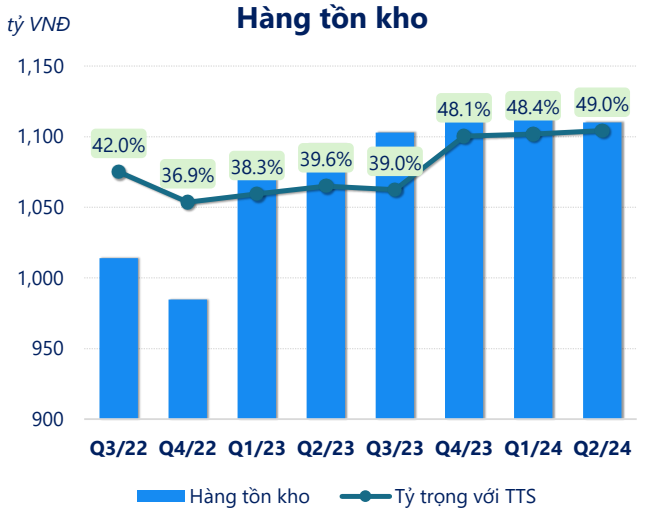
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



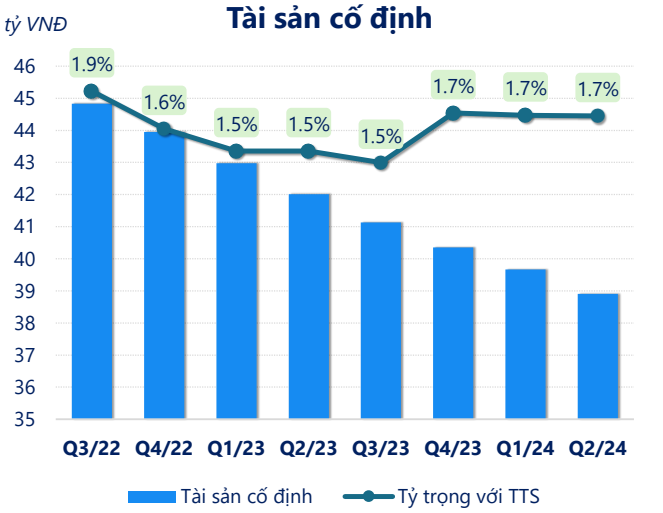
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



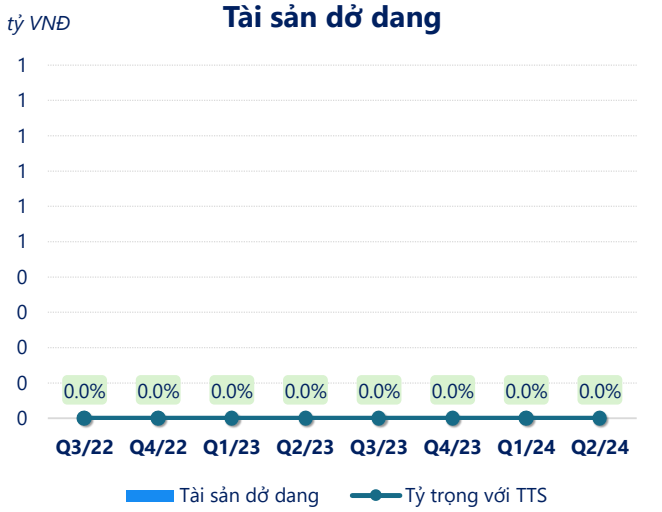
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



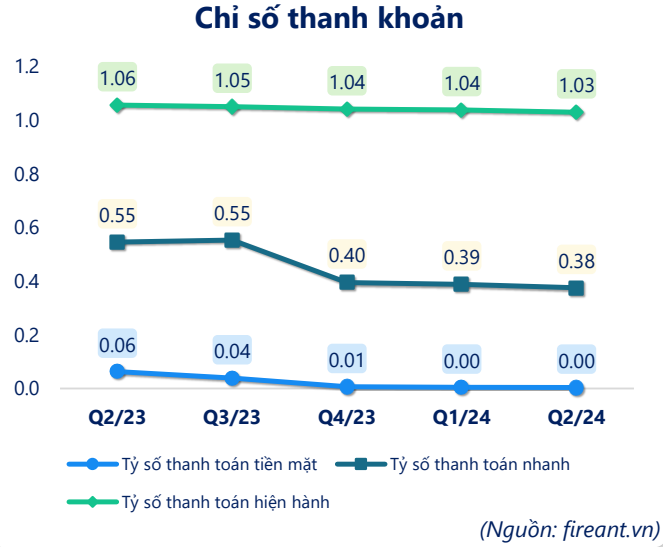
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



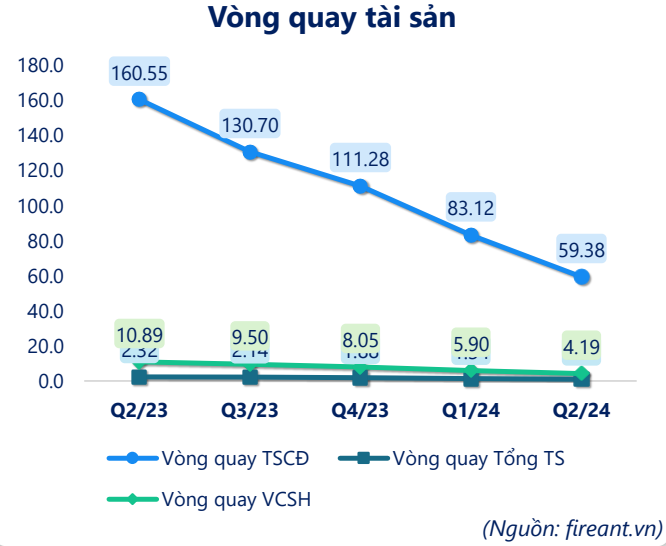
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,764**	**2,829**	**2,326**	**2,304**	**2,264**
Tài sản ngắn hạn	**2,262**	**2,330**	**1,803**	**1,783**	**1,747**
Tiền và tương đương tiền	135	85.6	10.7	6.66	6.31
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	117	52.6	25.4	21.2
Phải thu ngắn hạn	909	1,018	616	631	605
Hàng tồn kho	1,094	1,103	1,118	1,116	1,110
Tài sản ngắn hạn khác	7.25	5.66	5.40	4.69	4.38
Tài sản dài hạn	**502**	**500**	**523**	**521**	**517**
Phải thu dài hạn	6.11	6.10	6.80	6.79	5.37
Tài sản cố định	42.0	41.1	40.3	39.7	38.9
Bất động sản đầu tư	63.2	62.2	61.1	60.1	59.0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	388	388	410	410	410
Tài sản dài hạn khác	2.44	2.02	4.87	4.40	3.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,172**	**2,235**	**1,744**	**1,731**	**1,709**
Nợ ngắn hạn	**2,142**	**2,218**	**1,732**	**1,718**	**1,697**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,126	1,069	569	554	548
Phải trả người bán ngắn hạn	751	854	913	910	856
Nợ dài hạn	29.4	16.7	12.2	12.5	12.0
Vay và nợ thuê dài hạn	2.42	2.42	2.15	2.15	1.81
Nguồn vốn chủ sở hữu	**593**	**595**	**582**	**573**	**555**
Vốn chủ sở hữu	**593**	**595**	**582**	**573**	**555**
Vốn điều lệ	496	496	496	496	496
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)